

Số: 978/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 29 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 299/TTr-SNNMT ngày 28/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này xây dựng, cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các thủ tục hành chính và quy trình nội bộ sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

1. Thủ tục hành chính số thứ tự 22, 23, 24, 25 Mục IV Phần A Phụ lục I và quy trình nội bộ số 01, 02, 03, 04 tiểu mục IV Mục A Phần I Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 29/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Nông nghiệp, Chăn nuôi, Thủy sản, Thú y, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Khoa học công nghệ và môi trường, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

2. Thủ tục hành chính số thứ tự 01, 03 Mục B Phần I Phụ lục I và quy trình nội bộ số 01, 03 Mục II Phần 1 Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Thủy sản, Khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

3. Thủ tục hành chính số thứ tự 01 Mục I Phụ lục I và quy trình nội bộ số 01 Mục I Phần I Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 2318/QĐ-UBND ngày 02/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực Thủy sản, Địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND các xã, phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Nhàn

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI BỔ SUNG CẤP TỈNH (07 TTHC)

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
01	1.0049 43.000. 00.00. H37	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	<p>- 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ để thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm, đồng thời cấp phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu);</p> <p>- 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản.</p>	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ xã phường.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp.</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p>	<p>- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;</p> <p>- <i>Nghị định số 41/2026/NĐ-CP</i></p>

¹ Phần in nghiêng là tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung.

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
02	1.0046 83.000. 00.00. H37	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm và cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu); - 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường. - Cơ quan thực hiện: Chi cục Chăn nuôi, thú y và thủy sản. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - <i>Nghị định số 41/2026/NĐ-CP</i>
03	1.0049 15.000. 00.00. H37	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 10 ngày làm việc. - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc. 			<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - <i>Nghị định số 41/2026/NĐ-CP</i>; - Thông tư số 112/2021/TT-BTC

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
04	1.0049 18.000. 00.00. H37	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (từ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 10 ngày làm việc. - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc.	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ xã phường. - Cơ quan thực hiện: Chi cục Chăn nuôi, thú y và thủy sản.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP
05	1.0043 59.000. 00.00. H37	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	- Cấp mới: 05 ngày làm việc - Cấp lại: 03 ngày làm việc.			- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-C; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC
06	1.0049 13.000. 00.00. H37	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	06 ngày làm việc			- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
07	1.0046 92.000. 00.00. H37	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	05 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ xã phường. - Cơ quan thực hiện: Chi cục Chăn nuôi, thú y và thủy sản.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - <i>Nghị định số 41/2026/NĐ-CP</i>

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH CẤP XÃ (01 TTHC)

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
01	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) (1.014801)	05 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công phường, xã. - Cơ quan thực hiện: Phòng Kinh tế cấp xã. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã.	- Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp; - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - <i>Nghị định số 41/2026/NĐ-CP</i> của Chính phủ.

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ
TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ
MỘT CỬA LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG,
UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 978 /QĐ-UBND ngày 29/ 5/2026 của
Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH
NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA (06 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (05 TTHC)	
01	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).	
02	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ).	
03	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản.	
04	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.	
05	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)	
01	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA

CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Trung tâm phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức một cửa: CCMC
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Chăn nuôi và thủy sản: CN&TS
- Chăn nuôi, thú y và thủy sản: CN, TY&TS
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT
- Phòng Kinh tế/ Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị: Phòng Kinh tế cấp xã.

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH.

1. Nhóm 02 TTHC:

1.1. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)

1.2. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)

* **Trường hợp 1 cấp mới (TH1):** Tổng thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận và hẹn ngày trả kết quả; chuyển hồ sơ đến lãnh đạo phòng CN&TS – Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng CN&TS	0,5 ngày
B3	Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ; thẩm định; dự thảo quyết định thành lập Đoàn đánh giá điều kiện thực tế	Chuyên viên phòng CN&TS	01 ngày
B4	Ký duyệt quyết định thành lập Đoàn kiểm tra	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	0,5 ngày
B5	Kiểm tra, đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở	Đoàn kiểm tra	03 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Hoàn thiện hồ sơ sau kiểm tra; dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp	Chuyên viên phòng CN&TS	02 ngày
B7	Xem xét kết quả xử lý hồ sơ; trình Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo phòng CN&TS	01 ngày
B8	Xem xét, ký ban hành Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối	Lãnh đạo Chi cục CN,TY&TS	01 ngày
B9	Vào sổ văn bản; phát hành văn bản	Văn thư Chi cục CN,TY&TS	0,5 ngày
B10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; thống kê, lưu trữ, theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày

* **Trường hợp 2 cấp lại (TH2):** Tổng thời gian thực hiện TTHC: 02 ngày làm việc x 8 giờ = 16 giờ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận và hẹn ngày trả kết quả; chuyển hồ sơ đến lãnh đạo phòng CN&TS – Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	02 giờ
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng CN&TS	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ; dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp	Chuyên viên phòng CN&TS	06 giờ
B4	Kiểm tra kết quả thẩm định; xem xét nội dung dự thảo; trình Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo phòng CN&TS	02 giờ
B5	Xem xét, phê duyệt Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp	Lãnh đạo Chi cục CN,TY&TS	02 giờ
B6	Vào sổ văn bản; phát hành văn bản	Văn thư Chi cục CN,TY&TS	02 giờ
B7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; thống kê theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			16 giờ

2. Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản.

- **Trường hợp 1 cấp mới (TH1):** Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc x 8 giờ = 40 giờ.

- **Trường hợp 2 cấp lại (TH2):** Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc x 8 giờ = 24 giờ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận và hẹn ngày trả kết quả; chuyển hồ sơ đến lãnh đạo phòng CN&TS – Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	02 giờ	02 giờ
B2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo phòng CN&TS	02 giờ	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ; trường hợp chưa đủ điều kiện tham mưu văn bản trả lời; nếu đủ điều kiện dự thảo Giấy phép	Chuyên viên phòng CN&TS	22 giờ	12 giờ
B4	Kiểm tra dự thảo; trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo phòng CN&TS	04 giờ	02 giờ
B5	Xem xét dự thảo; trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	04 giờ	02 giờ
B6	Xem xét hồ sơ; ký Giấy phép hoặc văn bản không cấp	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	04 giờ	02 giờ
B7	Vào sổ văn bản; phát hành văn bản	Văn thư Chi cục CN, TY&TS	02 giờ	02 giờ
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; thống kê theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời gian	
Tổng thời gian thực hiện			40 giờ	24 giờ

3. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 06 ngày làm việc x 08 giờ = 48 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận và hẹn ngày trả kết quả; chuyển hồ sơ đến lãnh đạo phòng CN&TS – Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng CN&TS	02 giờ
B3	Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; thẩm định nội dung hồ sơ; dự thảo quyết định thành lập Đoàn đánh giá điều kiện thực tế	Chuyên viên phòng CN&TS	04 giờ
B4	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	02 giờ
B5	Kiểm tra, đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở	Đoàn kiểm tra	16 giờ
B6	Hoàn thiện hồ sơ sau kiểm tra; dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp	Chuyên viên phòng CN&TS	08 giờ
B7	Xem xét kết quả xử lý hồ sơ; trình lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo phòng CN&TS	04 giờ
B8	Xem xét, ký ban hành Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	08 giờ
B9	Vào sổ văn bản; phát hành văn bản	Văn thư Chi cục CN, TY&TS	02 giờ
B10	Trả kết quả; thống kê, lưu trữ, theo dõi hồ sơ.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			48 giờ

4. Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

- Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc x 8 giờ = 40 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; cấp giấy biên nhận và hẹn ngày trả kết quả; cập nhật hồ sơ trên Hệ thống Một cửa	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	02 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	và chuyển hồ sơ đến phòng CN&TS – Chi cục CN, TY&TS		
B2	Phân công giải quyết hồ sơ	Lãnh đạo phòng CN&TS	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ; nếu chưa đủ điều kiện tham mưu văn bản trả lời; nếu đủ điều kiện dự thảo Giấy xác nhận	Chuyên viên phòng CN&TS	18 giờ
B4	Kiểm tra kết quả thẩm định; xem xét nội dung dự thảo; trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo phòng CN&TS	08 giờ
B5	Xem xét, phê duyệt Giấy xác nhận hoặc văn bản không cấp	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	08 giờ
B6	Vào sổ văn bản; phát hành văn bản	Văn thư Chi cục CN, TY&TS	02 giờ
B7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; thống kê theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			40 giờ

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)

1. Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã).

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc x 08 giờ = 40 giờ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. chuyển đến lãnh đạo phòng Kinh tế cấp xã cấp xã	CCMC tại TTPVHCC cấp xã	02 giờ
B2	Phân công thực hiện	Lãnh đạo Phòng Kinh tế cấp xã	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ; dự thảo Giấy xác nhận hoặc văn bản không đồng ý.	Chuyên viên Phòng Kinh tế cấp xã	24 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Xem xét, trình Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo Phòng Kinh tế cấp xã	04 giờ
B5	Duyệt hồ sơ/ký văn bản giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND cấp xã	06 giờ
B6	Đóng dấu, vào sổ, phát hành văn bản	Văn thư UBND xã	02 giờ
B7	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			40 giờ

Phụ lục III

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN

*(Kèm theo Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 29/ 5 /2026 của
Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (02 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	- Chi cục Chăn nuôi, thú y và thủy sản; Sở Nông nghiệp và Môi trường.
2	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	- Chủ tịch UBND tỉnh.

Phần II

QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG

CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Trung tâm phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức một cửa: CCMC
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Chăn nuôi và thủy sản: CN&TS
- Chăn nuôi, thú y và thủy sản: CN,TY&TS
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT

I. Nhóm 02 TTHC:

1. Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản.

2. Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

- Tổng thời gian thực hiện TTHC: 16 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
I	Giai đoạn 1 Phê duyệt đề cương khảo nghiệm		08 ngày làm việc
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; cấp giấy biên nhận và hẹn ngày trả kết quả; cập nhật hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo phòng CN&TS, Chi cục CN,TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ đề nghị phê duyệt đề cương khảo nghiệm	Lãnh đạo phòng CN&TS	1/4 ngày
B3	Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; thẩm định nội dung hồ sơ; dự thảo văn bản thành lập Đoàn đánh giá điều kiện cơ sở khảo nghiệm	Chuyên viên phòng CN&TS	1/2 ngày
B4	Xem xét hồ sơ, kiểm tra nội dung dự thảo văn bản thành lập Đoàn đánh giá; trình Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo phòng CN&TS	1/2 ngày
B5	Xem xét, ký văn bản thành lập Đoàn đánh	Lãnh đạo Chi cục	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	giá điều kiện cơ sở khảo nghiệm	CN, TY&TS	
B6	Kiểm tra điều kiện cơ sở khảo nghiệm theo quy định	Đoàn đánh giá	02 ngày
B7	Tổng hợp kết quả kiểm tra; hoàn thiện hồ sơ; dự thảo Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm hoặc văn bản không đạt yêu cầu	Chuyên viên phòng CN&TS	01 ngày
B8	Xem xét kết quả xử lý hồ sơ; kiểm tra dự thảo Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm hoặc văn bản không đạt yêu cầu; trình Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo phòng CN&TS	1/2 ngày
B9	Xem xét hồ sơ; trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	1/2 ngày
B10	Xem xét hồ sơ; ký tờ trình trình UBND tỉnh xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày
B11	Vào sổ văn bản; phát hành hồ sơ trình UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B12	Xem xét, phê duyệt Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm hoặc văn bản không đạt yêu cầu; chuyển kết quả về cơ quan tham mưu	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày
II	Giai đoạn 2. Công nhận kết quả khảo nghiệm		08 ngày làm việc
B13	Nhận kết quả và gửi Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm về Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Văn thư Chi cục/Chuyên viên phòng CN&TS	1/4 ngày
B14	Tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm; rà soát báo cáo kết quả khảo nghiệm; hoàn thiện hồ sơ; dự thảo Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm hoặc văn bản không công nhận	Đoàn đánh giá/Chuyên viên phòng CN&TS	04 ngày
B15	Kiểm tra kết quả đánh giá; xem xét nội dung dự thảo; trình Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo phòng CN&TS	1/2 ngày
B16	Xem xét hồ sơ; trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B17	Xem xét hồ sơ; ký tờ trình trình UBND tỉnh xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày
B18	Vào sổ văn bản; phát hành hồ sơ trình UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/4 ngày
B19	Xem xét, ban hành Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm hoặc văn bản không công nhận; chuyển kết quả đến TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	02 ngày
B20	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; thống kê theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
	Tổng thời gian thực hiện		16 ngày làm việc
III	Giai đoạn 3. Sau ban hành Quyết định công nhận kết quả		
B21	Thông báo công khai Quyết định công nhận trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử; gửi Quyết định công nhận giống thủy sản/kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã khảo nghiệm về Bộ NN&MT	Chi cục CN, TY&TS/Chuyên viên phòng CN&TS	Không tính thời hạn vào thời hạn giải quyết TTHC (trong 01 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định)